



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 32

Ngày 01 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 06-5-2014 - Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND về việc phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 4
- 06-5-2014 - Chỉ thị số 08/2014/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 14
- 06-5-2014 - Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND về tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2013 - 2014 và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015. 21

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

- 05-5-2014 - Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa Quận 9. 25

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 29-4-2014 - Quyết định số 2117/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng được phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015. 39
- 07-5-2014 - Quyết định số 2198/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 41
- 16-5-2014 - Công văn số 2090/UBND-THKH về điều chỉnh bổ sung Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố đến năm 2020. 47

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

- 18-4-2014 - Hướng dẫn số 1486/HD-SGTVT thực hiện một số nội dung của Quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 48

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- 14-4-2014 - Quyết định số 2273/QĐ-UBND về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành. 63

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

06-5-2014 - Quyết định số 1504/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 67

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

13-5-2014 - Quyết định số 437/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. 69

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

25-4-2014 - Quyết định số 3430/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 71

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

05-5-2014 - Quyết định số 297/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 73

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng

8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về quản lý lưu vực sông;

Căn cứ Quyết định số 187/2007/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 367/TTr-TNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 01 năm 2014 và Công văn số 1862/TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 3 năm 2014 về ban hành Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1152/STP-VB ngày 11 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Xác định và tính toán lưu lượng các nguồn xả nước thải:

1. Các tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm đo đạc, quan trắc, thống kê để tính toán, xác định lưu lượng nước thải để áp dụng hệ số lưu lượng nguồn thải theo các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin về lưu lượng và đặc tính nước thải cho cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường. Trong trường hợp số liệu của các tổ chức, cá nhân cung cấp chưa đủ tin cậy, cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường sẽ tính toán, xác định hoặc trưng cầu giám định theo quy định pháp luật.

3. Trong một số trường hợp đặc thù tùy thuộc vào quy mô, tính chất dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, điều kiện cụ thể về môi trường tiếp nhận nước thải, địa điểm thực hiện dự án và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố có những quy định riêng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC**Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh***(Kèm theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)***1. Phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải là sông, suối, kênh, rạch**

TT	Sông, rạch	Đoạn	Loại			Q _{tb} (m ³ /s)	Vị trí đo	Hệ số K _q
			2013- 2015	2016- 2020	2021 trở đi			
A. CÁC TUYẾN SÔNG CHÍNH								
01	Sài Gòn	Từ thượng nguồn đến cầu Phú Long	A	A	A	316,5	Cầu Phú Cường	1,1
		Từ cầu Phú Long đến cầu Bình Phước	B	B	A			1,1
		Từ cầu Bình Phước đến hợp lưu sông Đồng Nai	B	B	B	341,6	Cửa sông Sài Gòn	1,1
02	Đồng Nai	Từ thượng nguồn đến cửa dưới sông Tắc	A	A	A	440,2	Phà Cát Lái (tham khảo)	1,1
		Từ cửa dưới sông Tắc đến phà Cát Lái	B	A	A	440,2	Phà Cát Lái	1,1
		Từ phà Cát Lái đến hợp lưu sông Sài Gòn	B	B	B	440,2	Phà Cát Lái	1,1
03	Nhà Bè	Từ mũi Đền Đỏ đến phà Bình Khánh	B	B	B	777,5	Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	1,2
04	Soài Rạp	Từ phà Bình Khánh đến cửa Soài Rạp	B	B	B	277,5	KCN Hiệp Phước	1,1
05	Lòng Tàu - Ngã Bảy	Toàn tuyến	B	B	B	525,1	Bến đò Nhơn Trạch	1,2
06	Đồng Tranh - Gò Gia	Toàn tuyến	B	B	B			1,1
07	Thị Vải - Cái Mép	Toàn tuyến	B	B	B	243	Gò Dầu (tham khảo)	1,1

TT	Sông, rạch	Đoạn	Loại			Q _{tb} (m ³ /s)	Vị trí đo	Hệ số Kq
			2013- 2015	2016- 2020	2021 trở đi			
B. HỆ THỐNG THỦY LỢI KÊNH ĐÔNG								
08	Các tuyến kênh cấp	Toàn bộ	A	A	A	< 50		0,9
09	Các tuyến kênh tiêu	Toàn bộ	B	B	B	< 50		0,9
10	Các tuyến kênh tưới tiêu kết hợp	Toàn bộ	B	A	A	< 50		0,9
C. CÁC KÊNH RẠCH VÙNG PHÍA BẮC THÀNH PHỐ								
11	Rạch Thái Thai	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
12	Rạch Bò Cạp	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
13	Rạch Sơn	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
14	Rạch Bến Mương	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
15	Rạch Láng The	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
16	R. Bà Nhum - rạch Kè	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
17	Sông Lu	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
18	Rạch Hàng Mốp	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
19	Rạch Dừa	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
20	Rạch Ròng Trâu	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
21	Sông Dương Đa	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
22	Kênh Địa Phận	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
23	Kênh Xáng - Rạch Tra	Toàn tuyến	A	A	A	- 2,2	Cửa rạch Tra	0,9
24	R. Bà Hồng - Cầu Mính	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
25	Rạch Cầu Vồng	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
26	Rạch Hóc Môn	Toàn tuyến	B	B	A	< 50		0,9
27	Kênh Trần Quang Cơ	Toàn tuyến	B	B	A	< 50		0,9
28	Rạch Bến Cát	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9

TT	Sông, rạch	Đoạn	Loại			Q _{tb} (m ³ /s)	Vị trí đo	Hệ số K _q
			2013- 2015	2016- 2020	2021 trở đi			
D. CÁC KÊNH RẠCH VÙNG PHÍA TÂY THÀNH PHỐ								
29	Kênh Thầy Cai	Toàn tuyến	B	B	A	< 50		0,9
30	Kênh An Hạ	Toàn tuyến	B	B	A	1,1	Cầu An Hạ	0,9
31	Kênh Cầu Xáng	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
32	Kênh sông Ranh (giáp Long An)	Từ kênh Thầy Cai đến Tỉnh lộ 10	B	B	A	< 50		0,9
		Từ Tỉnh lộ 10 đến giáp ranh Long An	B	B	B	< 50		0,9
33	Kênh Trung ương - Cầu Bông	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
34	Kênh Liên vùng	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
35	Rạch Mòi Heo	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
36	Kênh dọc Tỉnh lộ 10	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
37	Kênh Xáng ngang	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
38	Kênh A	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
39	Kênh B	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
40	Kênh C	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
41	Rạch Nước lên	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
42	Sông Chợ Đệm	Từ cầu Bình Điền đến giáp ranh tỉnh Long An	B	B	B	3,88	Cầu Bình Điền	0,9
43	Rạch Bà Góc	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
44	Rạch Ông Thoàn	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
45	Rạch Ông Đồ	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
E. CÁC KÊNH RẠCH VÙNG PHÍA ĐÔNG THÀNH PHỐ								
46	Rạch Vĩnh Bình	Toàn tuyến	B	B	A	< 50		0,9
47	Kênh Ba Bò	Toàn tuyến	B	B	A	< 50		0,9
48	Rạch Gò Dưa	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
49	Rạch Ông Đầu- rạch Đĩa	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
50	Rạch Chiếc	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9

TT	Sông, rạch	Đoạn	Loại			Q _{tb} (m ³ /s)	Vị trí đo	Hệ số Kq
			2013- 2015	2016- 2020	2021 trở đi			
51	Rạch Đường xuống	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
52	Sông Bến đò lớn	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
53	Sông Ông Nhiêu	Toàn tuyến	B	A	A	< 50		0,9
54	Rạch Trau Trâu	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
55	Rạch Gò Công	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
56	Suối Cái	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
57	Suối Xuân Trường	Toàn tuyến	B	A	A	< 50		0,9
58	Suối Nhum	Toàn tuyến	B	A	A	< 50		0,9
59	Sông Tắc	Toàn tuyến	A	A	A	< 200		1,0
60	Rạch Cây Cam	Toàn tuyến	A	A	A	< 50		0,9
61	Sông Kinh	Toàn tuyến	B	A	A	< 50		0,9
62	Rạch Bà Cua	Toàn tuyến	B	A	A	< 50		0,9
63	Rạch Giồng Ông Tố	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
64	Rạch Cá Trê	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
65	Rạch Kỳ Hà	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
D. CÁC KÊNH RẠCH VÙNG TRUNG TÂM THÀNH PHỐ								
66	Kênh 19/5	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
67	Kênh Nước Đen	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
68	Kênh Tham Lương	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
69	Sông Lái Thiêu - Vàm Thuật	Toàn tuyến	B	B	B	5,34	Cầu Tứ Quý	0,9
70	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Toàn tuyến	B	B	B	-0,3	Cửa kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè	0,9
71	Rạch Lãng	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
72	Rạch Văn Thánh	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
73	Kênh Tàu Hũ	Toàn tuyến	B	B	B	-22,34	Cầu Nguyễn Tri Phương	0,9

TT	Sông, rạch	Đoạn	Loại			Q _{tb} (m ³ /s)	Vị trí đo	Hệ số K _q
			2013- 2015	2016- 2020	2021 trở đi			
74	Kênh Bến Nghé	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
75	Kênh Đồi-Tê	Toàn tuyến	B	B	B	-41,41	Cầu Chánh Hưng	0,9
76	Kênh Tân Hóa - Lò Gốm	Toàn tuyến	B	B	B	-0,02	Cửa kênh Tân Hóa - Lò Gốm	0,9
77	Kênh Hàng Bàng	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
78	Rạch Nước Lên	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
79	Sông Chợ Đệm	Từ cầu Bình Điền đến ngã 3 sông Cần Giuộc	B	B	B	-52,67	Bến Phú Định	1,0
G. CÁC KÊNH RẠCH VÙNG PHÍA NAM THÀNH PHỐ								
80	Sông Cần Giuộc	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
81	Rạch Cầu Gia	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
82	Rạch Bà Tàng	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
83	Rạch Bà Lớn	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
84	Rạch Ông Chòm	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
85	Rạch Xóm Cũi - Gò Nổi	Toàn tuyến	B	B	B	-10,98	Cầu Hiệp Ân 1	0,9
86	Rạch Bà Lào	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
87	Sông Ông Lớn	Toàn tuyến	B	B	B	22,83	Cầu Ông Lớn	0,9
88	Rạch Cây Khô	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
89	Rạch Tắc Bến Rô	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
90	Sông Long Kiển	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
90	Rạch Tôm	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
91	Sông Rạch Dơi	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
92	Sông Đông Điền	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
93	Rạch Thầy Tiêu	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
94	Rạch Cả Cầm	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
95	Rạch Đĩa	Toàn tuyến	B	B	B	< 50		0,9
96	Sông Phú Xuân	Toàn tuyến	B	B	B	95,3	Cầu Phú Xuân	1,0
97	Sông Muong Chuối	Toàn tuyến	B	B	B	23,99	Cầu trên đường Nguyễn Bình	0,9

Ghi chú: Qtb là giá trị trung bình của lưu lượng dòng chảy của sông, suối, kênh, mương, khe, rạch tiếp nhận nước thải 03 tháng khô kiệt nhất trong 03 năm liên tiếp (số liệu của cơ quan Khí tượng Thủy văn quốc gia) (các tháng 2, 3, 4). Các giá trị lưu lượng âm đặc trưng cho lưu lượng triều chi phối trên sông.

Đối với các sông, suối, kênh, rạch không thuộc bảng phân vùng nêu trên nhưng nếu có số liệu về lưu lượng trung bình từ ba (03) năm liên tiếp trở lên (nguồn số liệu được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) và mục đích sử dụng nguồn nước thì áp dụng phân vùng theo các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia hiện hành về nước thải. Trong trường hợp không có số liệu về lưu lượng của các sông, suối, kênh, rạch nhỏ thì áp dụng hệ số lưu lượng nguồn tiếp nhận nước thải $K_q = 0,9$.

2. Phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải là hồ, ao

Các hồ, ao hiện có trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đều có dung tích nhỏ dưới 10 triệu m^3 nên áp dụng hệ số $K_q = 0,6$.

Nước thải xả vào các hồ Kỳ Hòa, Đầm Sen, hồ trong công viên Hoàng Văn Thụ và các hồ, ao nước ngọt khác phải đảm bảo tiêu chuẩn cột A trong các QCVN tương ứng về nước thải.

Nước thải xả vào các hồ, ao vùng nước lợ, mặn phải đảm bảo tiêu chuẩn cột B trong các QCVN tương ứng về nước thải.

3. Phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải là vùng biển ven bờ

Các nguồn xả thải vào vùng nước biển ven bờ ở huyện Cần Giờ áp dụng tiêu chuẩn xả thải cột A (nguồn nước dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh, thể thao và giải trí dưới nước) với hệ số $K_q = 1$.

4. Các quy định khác

4.1. Nguồn tiếp nhận loại A trong bảng phân vùng được nêu ở mục 1 được hiểu theo nguyên tắc yêu cầu khắt khe nhất về giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi xả thải vào môi trường. Áp dụng cột A trong bảng phân vùng nêu trên tương ứng với cột A trong QCVN 40:2011/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải. Với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải có cách ghi khác cột A được hiểu theo nguyên tắc trên. Đồng thời áp dụng tiêu chuẩn cột A đối với trường hợp sau:

- Nguồn tiếp nhận nước thải là các sông, suối, kênh, rạch, hồ ao với mục đích sử dụng nước là “Nguồn nước sinh hoạt” - nguồn có thể cung cấp nước sinh hoạt hoặc nước có thể xử lý thành nước sạch một cách kinh tế;

- Nguồn tiếp nhận là sông, suối, kênh, rạch, hồ ao với mục đích sử dụng nước cho thể thao, giải trí dưới nước hoặc quy hoạch nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Nguồn tiếp nhận là các sông, suối, kênh, rạch, hồ ao hiện nay với mục đích sử dụng nước không thuộc “Nguồn nước sinh hoạt” nhưng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận sử dụng làm “Nguồn nước sinh hoạt” hoặc dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước hoặc quy hoạch nuôi trồng thủy sản;

- Các nguồn nước thải xả thải vào các sông, suối, kênh, rạch nếu xác định nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng là sông Đồng Nai đoạn từ cửa dưới nhánh sông Tắc 500m trở lên thượng nguồn; sông Sài Gòn đoạn từ cầu Phú Long trở lên thượng nguồn; các kênh trục cấp nước thuộc hệ thống thủy lợi Kênh Đông;

- Các nguồn xả thải ra sông Đồng Nai đoạn từ cửa dưới nhánh sông Tắc ra đến hợp lưu với sông Sài Gòn tại Mũi Đèn đỏ có lưu lượng xả thải $> 5.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (để bảo vệ an toàn cho vùng đệm nguồn loại A trên sông Đồng Nai);

- Các nguồn xả thải ra sông Sài Gòn đoạn từ cầu Phú Long đến cầu Bình Phước có lưu lượng xả thải $> 5.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (để bảo vệ an toàn cho vùng đệm nguồn loại A trên sông Sài Gòn).

4.2. Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f) và hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận (K_q) và giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải (C_{\max}) được quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2014/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2014

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Trong thời gian qua, cùng với cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân đã được cải thiện rõ nét. Trong quá trình từng bước xây dựng thành phố văn minh, hiện đại, xanh - sạch - đẹp, bên cạnh phát triển kinh tế thì thành phố luôn chú trọng đến các vấn đề về môi trường. Ngày 13 tháng 11 năm 2008, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chỉ thị số 21/2008/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Qua 5 năm thực hiện, thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng sống của đồng bào thành phố. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì ý thức bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp, người dân cũng còn thấp, chưa chủ động và tự giác thực hiện nghĩa vụ về bảo vệ môi trường, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ngày càng tinh vi, nghiêm trọng nên tình hình ô nhiễm môi trường vẫn còn tồn tại và nếu không kiểm soát thì sẽ có chiều hướng gia tăng.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức và cá nhân, góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng sống của nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp thực hiện ngay các nhiệm vụ cấp bách nhằm tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố như sau:

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở - ngành liên quan và các Viện, Trường học xây dựng kế hoạch, tổ chức nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý môi trường và tài nguyên cho cán bộ quản lý môi trường của thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp kỹ thuật cao, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố; tăng cường kiểm tra đột xuất các doanh nghiệp có mức độ gây ô nhiễm nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu đối phó trong vận hành công trình xử lý chất thải. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan xây dựng, triển khai dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng mạng lưới quan trắc chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm trên địa bàn thành phố;

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản; thực hiện giám sát chất lượng nước mặt, giám sát tình trạng sạt lở bờ sông trong khu vực hoạt động nạo vét, khai thác khoáng sản lòng sông và thực hiện các giải pháp bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác định trong dự án đầu tư, báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

đ) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan chức năng thuộc các tỉnh giáp ranh với thành phố trong công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản từ khâu quy hoạch, cấp phép, kiểm tra việc thực hiện sau giấy phép và kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản không phép, trái phép;

e) Chủ trì kiểm tra, giám sát việc vận hành các Khu liên hợp xử lý chất thải Đa Phước, huyện Bình Chánh; Khu liên hợp xử lý chất thải Phước Hiệp, huyện Củ Chi đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên giám sát việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn về các khu xử lý, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh khu xử lý rác và suốt tuyến thu gom, vận chuyển;

g) Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra theo kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2011 - 2015;

h) Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện xây dựng kế hoạch, đẩy mạnh việc xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực: thu gom và xử lý chất thải; phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn đô thị, chất thải khu vực nông thôn, làng nghề, chất thải nguy hại và chất thải y tế; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện giảm thiểu sử dụng túi ni

lông, sản xuất, sử dụng các túi thân thiện môi trường; phát động phong trào bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước.

2. Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao có trách nhiệm:

a) Chủ trì tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao. Chỉ cho phép các doanh nghiệp được hoạt động sản xuất khi đã đầu tư hoàn thiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường hoặc trong bản cam kết bảo vệ môi trường đã đăng ký;

b) Chủ trì, phối hợp chủ đầu tư hạ tầng khu chế xuất, khu công nghiệp và Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao kiểm tra hệ thống thu gom nước thải của các doanh nghiệp trong khu, đảm bảo nước thải phát sinh từ doanh nghiệp phải được thu gom triệt để dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung. Giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo trạm xử lý nước thải tập trung vận hành liên tục, ổn định và đạt quy chuẩn môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn hiện hành. Xử lý nghiêm các trường hợp xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép. Yêu cầu các chủ đầu tư phải đẩy nhanh tiến độ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động theo đúng quy định.

3. Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải y tế, thu gom và xử lý chất thải y tế đúng quy định tại các cơ sở y tế, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các đơn vị liên quan kiểm soát các nguồn nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi; đẩy mạnh công tác thu gom, xử lý bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng; tăng cường thanh, kiểm tra các cơ sở mua, bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; tuyên truyền, tập huấn người dân nâng cao nhận thức về mối nguy hại do thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu gây ô nhiễm môi trường;

b) Tăng cường kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp nhằm hạn chế tối đa các dư lượng hóa chất đưa vào nguồn nước, việc xả nước thải từ khu nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối;

c) Phối hợp với các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn báo cáo tình hình xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, các hộ gia đình với lưu lượng xả thải lớn, tải lượng ô nhiễm cao.

5. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên và các Sở - ngành tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025; triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư theo nội dung Quy hoạch; xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch đầu tư phát triển cho từng giai đoạn; xây dựng cơ chế chính sách để huy động nguồn vốn triển khai Quy hoạch; khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước tham gia xây dựng và quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn Thành phố theo Quy hoạch được duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra công tác quản lý, bảo vệ môi trường và xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường tại các cơ sở hoạt động giao thông đường thủy nội địa; tuyên truyền, đào tạo và tập huấn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa;

c) Xây dựng kế hoạch thực hiện nhằm từng bước kiểm soát, xử lý các nguồn thải từ các phương tiện giao thông đạt tiêu chuẩn môi trường quy định;

d) Đề ra các chỉ tiêu cụ thể đối với từng lĩnh vực trong hoạt động vận tải nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra về “Giảm thiểu 50% ô nhiễm môi trường và tiếng ồn do hoạt động giao thông vận tải giai đoạn 2011 - 2015” nhằm thực hiện Chương trình giảm ô nhiễm môi trường của thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

6. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở - ngành liên quan triển khai thực hiện quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của thành phố; thực hiện di dời các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm đến địa điểm phù hợp với quy hoạch ngành; tiếp tục triển khai thực hiện chương trình phát triển sản xuất vật liệu xây không nung, phát triển các sản phẩm vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng và thân

thiện với môi trường; hoàn tất việc xóa bỏ các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, không đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, hiệu quả kinh tế thấp;

b) Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng trong hoạt động xây dựng gắn liền với việc bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; thanh tra, kiểm tra thi công xây dựng công trình đảm bảo vệ sinh môi trường. Đặc biệt, là hệ thống xử lý chất thải các loại, nước thải ở các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, bệnh viện, trường học phải đảm bảo tiêu chuẩn quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn, tuyên truyền chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng chấp hành nghiêm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư xây dựng công trình, đặc biệt nguồn tài nguyên dưới đất.

7. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

Đẩy mạnh nghiên cứu, thẩm định, chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ tái chế trong xử lý chất thải y tế, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại.

8. Giám đốc Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai thực hiện một số nội dung sau:

a) Thực hiện có hiệu quả các chương trình trọng điểm theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về các chương trình, dự án nghiên cứu, xây dựng các dự án tổng thể tiêu thoát nước và xử lý nước thải cho thành phố;

c) Xây dựng bản đồ rủi ro ngập lụt và xây dựng hệ thống cảnh báo sớm nhằm giảm thiểu thiệt hại do ngập lụt gây ra. Nghiên cứu các khả năng ứng phó với các biến cố mưa vượt tần suất thiết kế do biến đổi khí hậu đối với các hệ thống thoát nước đô thị;

d) Tăng cường nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực tự ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng trong lĩnh vực thoát nước, chống ngập.

9. Giám đốc Công an Thành phố có trách nhiệm:

Chỉ đạo Lực lượng Cảnh sát môi trường phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố, xử lý nghiêm và kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định.

10. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nội dung sau:

a) Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển cụm công nghiệp hiện hữu và cụm công nghiệp theo quy hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và thực hiện; xác định quỹ đất để di dời các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; xây dựng kế hoạch quản lý các cơ sở kinh doanh hóa chất theo quy định.

b) Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công thương theo quy định tại Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BCT-BTNMT ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Bộ Công Thương - Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

11. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức có hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, vệ sinh đường phố, bảo vệ kênh rạch, hệ thống thoát nước tại khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh và mỹ quan đô thị.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Lực lượng Cảnh sát môi trường và các Sở - ngành liên quan tăng cường kiểm tra công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền quy định; xây dựng quy chế quản lý vệ sinh công cộng trên địa bàn khu phố, khóm ấp, các tổ dân phố... đảm bảo mỹ quan, môi trường đô thị;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức sắp xếp lại hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, các tổ chức có trụ sở đặt tại mặt tiền đường, đảm bảo rác thải không để trước vỉa hè, lề đường mà giao trực tiếp cho lực lượng thu gom rác;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức, khảo sát, thống kê số lượng thùng rác công cộng, đánh giá mức độ đáp ứng, khả năng sử dụng của các thùng rác công cộng hiện tại trên địa bàn; đề xuất giải pháp quản lý sử dụng phù hợp với công năng hoặc đề xuất trang bị thêm thùng rác công cộng phù hợp với đặc điểm của quận - huyện;

đ) Phối hợp các Sở - ngành liên quan xây dựng kế hoạch quản lý tài nguyên nước trên địa bàn, thống kê và xây dựng kế hoạch quản lý hệ thống kênh rạch trên địa bàn, có kế hoạch duy tu, nạo vét để khơi thông luồng; kiểm soát chặt việc xả thải chưa qua xử lý vào nguồn nước.

13. Đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức đoàn thể, các ban chuyên trách Hội đồng nhân dân Thành phố tăng cường thanh tra, giám sát phối hợp kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này của các cơ quan, đơn vị, quận - huyện của Thành phố.

14. Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Chỉ thị số 21/2008/CT-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời chỉ đạo để đạt kết quả./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2014/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2014

CHỈ THỊ

Về tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2013 - 2014 và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các ngành, các cấp; việc tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra an toàn, nghiêm túc và chất lượng.

Để thực hiện tốt Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014; Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012; Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012; Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi Điều 23, Điều 24 Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng

02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015 và Công văn số 5588/UBND-VX ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2014 - 2015;

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ban Chỉ đạo các Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2013 - 2014 và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015, các Hội đồng thi, Hội đồng tuyển sinh thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh lớp 6 Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và tuyển sinh lớp 10.

Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, địa điểm thi, bố trí cán bộ, giáo viên đủ tiêu chuẩn tham gia công tác thi, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các kỳ thi, thực hiện công tác thi và công tác tuyển sinh theo đúng Quy chế thi và Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch tuyển sinh ban hành kèm theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Công văn số 5588/UBND-VX ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2014 - 2015.

2. Thực hiện tốt chế độ, chính sách về thi, tuyển sinh, đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng; thực hiện nghiêm túc việc ra đề thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo, xét duyệt tốt nghiệp và cấp phát văn bằng theo đúng Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Giao trách nhiệm cho các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo và triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức các kỳ thi cho toàn ngành; phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện và các sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động phục vụ các kỳ thi đạt kết quả cao nhất.

- Chỉ đạo các Hội đồng thi thông báo công khai, đầy đủ, nghiêm túc các quy định về kỳ thi (kế hoạch tổ chức thi: thời gian thi, môn thi, nội quy, quy chế thi,...) cho học sinh biết để chấp hành. Có kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương bảo đảm trật tự khu vực Hội đồng thi.

b) Công an Thành phố:

- Phối hợp, hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố bảo đảm an toàn từ khâu in sao đề thi, bảo vệ các Hội đồng coi thi, chấm thi, áp tải và bảo vệ đề thi, bài thi theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch các Hội đồng thi;

- Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông có kế hoạch phối hợp trực chốt và phối hợp với các lực lượng của Sở Giao thông vận tải, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố đảm bảo lưu thông các tuyến đường, giải tỏa nhanh các khu vực kẹt xe trong các ngày thi, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh đến trường đúng giờ thi quy định.

c) Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy: có kế hoạch kiểm tra an toàn cháy nổ tại các Hội đồng thi; bố trí trực 24/24 trên các địa bàn có Hội đồng thi để kịp thời giải quyết khi có sự cố xảy ra.

d) Tổng Công ty Điện lực Thành phố - TNHH Một thành viên: tổ chức kiểm tra, ưu tiên đảm bảo duy trì liên tục, ổn định nguồn điện trong những ngày làm việc của Hội đồng in sao đề thi, các Hội đồng coi thi và chấm thi theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo. Tạo điều kiện cho Sở Giáo dục và Đào tạo ký hợp đồng nguyên tắc để thuê máy phát điện dự phòng, đề phòng sự cố mất điện bất trắc xảy ra.

đ) Bru điện Thành phố: phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo an toàn và kịp thời việc chuyển bu rơm phẩm từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sở Giáo dục và Đào tạo đúng quy trình quy định.

e) Viễn thông Thành phố: phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp các số điện thoại phục vụ cho các Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng thi để thực hiện công tác chỉ đạo thi theo yêu cầu.

g) Sở Thông tin và Truyền thông: bảo đảm thông tin, liên lạc, mạng Internet, tổ chức kiểm tra, kiểm soát đường dây truyền thông, thông tin, hệ thống wifi của khu vực xung quanh Hội đồng in sao đề thi để đảm bảo an toàn, bí mật; chỉ đạo các cơ quan thông tấn và báo - đài Thành phố thông tin tuyên truyền, đưa tin về các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kế hoạch tuyển sinh đầu cấp phổ thông, đặc biệt là việc tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông cho học viên ở các trường, các trung tâm giáo dục - chữa bệnh của Thành phố.

h) Sở Y tế: chỉ đạo các tuyến y tế cơ sở, các bệnh viện trên địa bàn phối hợp với các Hội đồng thi tạo điều kiện ưu tiên cấp cứu và chăm sóc sức khỏe cho học sinh; chứng nhận bệnh, thương tích chính xác và nhanh chóng khi có những trường hợp bất trắc xảy ra trong quá trình thi.

i) Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố: có kế hoạch bố trí trực phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông giải tỏa ứn tắc giao thông; ưu tiên bố trí các

tuyển phà tại bến phà Bình Khánh phục vụ nhanh chóng cho công tác chuyển giao đề thi, bài thi và đưa các học sinh dự thi trong những ngày diễn ra kỳ thi.

l) Sở Tài chính: đảm bảo kinh phí và hướng dẫn thực hiện các chế độ thu - chi tài chính theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân Thành phố.

k) Sở Giao thông vận tải: phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố đảm bảo lưu thông các tuyến đường, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh đến Hội đồng thi đúng giờ quy định.

m) Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo các kỳ thi tại địa phương theo đúng kế hoạch và quy chế thi; bố trí lực lượng phối hợp giữ gìn ổn định trật tự trước cổng trường và xung quanh khu vực Hội đồng thi.

4. Thủ trưởng Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ban Chỉ đạo các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2013 - 2014 và tuyển sinh các lớp đầu cấp phổ thông năm học 2014 - 2015, các Hội đồng thi, Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2014/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 05 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Văn hóa Quận 9**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động

của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT- BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 116/TTr-NV ngày 29 tháng 4 năm 2014 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa Quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa Quận 9.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quyết định trước đây trái với quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Văn hóa Quận 9, Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc Quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Thị Hồng Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa Quận 9

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 9)*

Chương I

TÊN GỌI, VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hoá Quận trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 9.

2. Quy chế này được áp dụng đối với cán bộ, viên chức, nhân viên và người lao động đang làm việc tại Trung tâm Văn hoá Quận 9 và các tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Trung tâm.

Điều 2. Tên gọi, vị trí, chức năng

1. Tên gọi: Trung tâm Văn hoá Quận 9.

2. Vị trí

a) Trung tâm Văn hóa Quận 9 (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 9, chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân Quận 9; đồng thời chịu sự quản lý nhà nước theo ngành và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước (sau khi cân đối với nguồn thu sự nghiệp), được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Trụ sở đặt tại địa chỉ số 183A Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chức năng

a) Phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh của Quận.

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác Văn hóa thông tin cơ sở; phát triển bồi dưỡng năng khiếu trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ.

c) Tổ chức các hoạt động dịch vụ và kinh doanh về văn hóa, thông tin; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, nhu cầu tiếp nhận thông tin, nêu cao dân trí, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương để xây dựng kế hoạch hoạt động trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình hoạt động của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa phương.

3. Tổ chức các hoạt động sự nghiệp văn hóa phục vụ quần chúng về văn hóa văn nghệ, tuyên truyền cổ động, thư viện, triển lãm, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật.

4. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn quần chúng và hoạt động văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp của Quận.

5. Hướng dẫn phong trào văn hóa - văn nghệ và hoạt động Nhà Văn hóa Phường cho những người làm công tác văn hóa, thông tin ở Phường.

6. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa, văn nghệ.

7. Suu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các hoạt động văn hóa truyền thống.

8. Liên kết, hợp tác kinh doanh, tổ chức các hoạt động tác nghiệp về chuyên môn; cung ứng các dịch vụ và kinh doanh về văn hóa, thông tin, biểu diễn nghệ thuật

và các hoạt động dịch vụ văn hóa khác đáp ứng nhu cầu của khách hàng và các tầng lớp nhân dân, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm.

9. Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thông tin với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài Quận.

10. Tổ chức và phát hành Bản tin Quận 9; đồng thời phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban Biên tập Trang thông tin điện tử (Website) Quận 9 trong công tác thông tin, tuyên truyền của Quận.

11. Tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất được giao, đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ; đồng thời tạo điều kiện và cơ chế ưu tiên cho các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị Quận tham gia cung cấp các dịch vụ tại Trung tâm theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng và theo quy định pháp luật.

12. Tổ chức quản lý, khai thác sử dụng tài sản công tại Trung tâm đúng quy định, có hiệu quả, tạo nguồn thu bảo đảm cho hoạt động sự nghiệp, giảm nhận hỗ trợ từ ngân sách và tự chủ hoàn toàn về tài chính. Ưu tiên bố trí sử dụng kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ cho thực hiện nhiệm vụ chính trị, phối hợp hỗ trợ các hoạt động phong trào của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội quần chúng trên địa bàn.

13. Quản lý cán bộ, viên chức, nhân viên, người lao động; quản lý tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận giao.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Trung tâm có Giám đốc, không quá 03 (ba) Phó Giám đốc và các viên chức, nhân viên hợp đồng lao động. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, phụ trách Kế toán của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận và trước pháp luật về nhân sự, tài sản được giao và toàn bộ hoạt động của Trung tâm, được quyết định mọi chế độ làm việc của các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc nhằm đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, được quyền chủ

động sử dụng ngân sách và tài sản được Nhà nước cấp để thực hiện kế hoạch công tác do quận giao theo đúng quy định. Khi vắng mặt, Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc điều hành và giải quyết công việc của đơn vị.

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc điều hành các hoạt động của Trung tâm; được Giám đốc giao phụ trách một số công việc, lĩnh vực công tác cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về lĩnh vực được phân công; chủ động tổ chức điều hành mọi công việc trong phần việc được Giám đốc phân công và báo cáo, đề xuất kịp thời với Giám đốc mọi vấn đề. Khi Giám đốc vắng mặt thì 01 trong các Phó Giám đốc được Giám đốc giao quyền bằng văn bản để quyết định các vấn đề của Trung tâm; Phó Giám đốc không được giao quyền lại các nội dung đã được Giám đốc giao quyền và nhiệm vụ thuộc thẩm quyền Phó Giám đốc.

c) Trưởng phòng và Phó trưởng phòng chuyên môn do Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc.

Trưởng Phòng: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng.

Phó Trưởng Phòng: Giúp Trưởng phòng điều hành hoạt động và trực tiếp phụ trách một số nội dung do Trưởng phòng phân công; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, Giám đốc và pháp luật về nội dung được phân công.

d) Tổ trưởng và Tổ Phó chuyên môn, nghiệp vụ: Do Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng phòng và Giám đốc.

- Tổ trưởng: Chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, Giám đốc và pháp luật về toàn bộ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Tổ.

- Tổ phó: Giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động và trực tiếp phụ trách một số nội dung do Tổ trưởng phân công; chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng, Trưởng phòng, Giám đốc và pháp luật về nội dung được phân công.

đ) Các viên chức, nhân viên phụ trách chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ; có trách nhiệm thực hiện tốt nội dung công tác và trách nhiệm được phân công.

2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

Trung tâm có 07 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp trực thuộc Phòng. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Tổ trưởng và Tổ phó do Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, miễn nhiệm; số lượng các Phó trưởng phòng không quá 02 (hai) người, Tổ phó không quá 01 (một) người. Các phòng có chức

năng tham mưu, tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại Trung tâm và hướng dẫn hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức kinh tế-xã hội trên địa bàn Quận, cụ thể như sau:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công nhiệm vụ trên các lĩnh vực: Công tác tổ chức nhân sự, thi đua; hành chính văn phòng, văn thư, lưu trữ; quản trị; duy tu, sửa chữa; công tác bảo vệ, vệ sinh cơ quan; công tác Phòng cháy chữa cháy; tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho cán bộ, viên chức và người lao động cơ quan theo đúng quy định của Nhà nước và đặc điểm tình hình cơ quan.

b) Phòng Thông tin cổ động - Tổ chức sự kiện:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công nhiệm vụ trên 03 lĩnh vực:

- Thông tin tuyên truyền, cổ động, triển lãm.
- Lấy tin, viết bài, chụp ảnh, ghi hình; biên soạn và phát hành bản tin Quận.
- Tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo trong và ngoài quận.

Trong đó, tổ chức biên soạn và phát hành Bản tin quận theo quy định của pháp luật, sự quản lý của Quận ủy và Ủy ban nhân dân Quận; phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban Biên tập Trang thông tin điện tử (Website) quận trong công tác thông tin, tuyên truyền của Quận.

c) Phòng Văn hóa nghệ thuật:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công nhiệm vụ trên các lĩnh vực: tổ chức hội thi, hội diễn; đào tạo năng khiếu; xây dựng văn hóa cơ sở, tổ chức hoạt động các Câu lạc bộ, đội nhóm.

Nghiên cứu nhu cầu và tổ chức các hoạt động liên hoan, hội thảo, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống, xây dựng các loại hình sinh hoạt Câu lạc bộ, đội nhóm; tổ chức các lớp năng khiếu về nghệ thuật; tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị, chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh; bồi dưỡng tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác văn hóa cho cơ sở và Nhà Văn hóa phường; tổ chức các hoạt động tại chỗ và lưu động tuyên truyền, phục vụ trên địa bàn dân cư; phục vụ các nhiệm vụ chính trị đột xuất, cấp bách, các phong trào, cuộc vận động lớn tại địa phương.

d) Phòng Kỹ thuật:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công nhiệm vụ trên các lĩnh vực: vận hành, bảo quản toàn bộ trang thiết bị, hệ thống thông tin; âm thanh, ánh sáng; sân khấu, phong màn; thiết bị điện, điện lạnh, điện tử phục vụ hoạt động của Trung tâm; theo dõi chỉ tiêu định mức điện của đơn vị và các đối tác; tham mưu cho Ban giám đốc việc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật cho cơ quan; nghiên cứu đề xuất các phương án quy hoạch dự án và tham gia thẩm định, giám sát nghiệm thu các công trình nâng cấp cải tạo, các dự án về kỹ thuật của Trung tâm.

đ) Phòng Đào tạo, Dịch vụ - Tổ chức biểu diễn:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công nhiệm vụ trên các lĩnh vực: Tổ chức hoạt động dịch vụ văn hóa văn nghệ và biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp. Nghiên cứu nhu cầu thị hiếu khán giả; tổ chức hiệu quả các dịch vụ phục vụ văn hóa, văn nghệ và biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên cơ sở phát huy hiệu quả năng lực viên chức, nhân viên và cơ sở vật chất của Trung tâm theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời đáp ứng yêu cầu phục vụ các nhiệm vụ chính trị đột xuất, cấp bách, các phong trào, cuộc vận động lớn của địa phương.

e) Phòng Kế toán - Tài vụ:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công nhiệm vụ trên các lĩnh vực: Quản lý tài chính, tài sản của Nhà nước và Trung tâm theo đúng quy định pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận; thực hiện nghiệp vụ tiền lương, các chế độ chính sách khác cho cán bộ, viên chức, người lao động và nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

g) Nhà Truyền thống Di tích lịch sử “căn cứ Vùng Bưng 6 Xã” - Thư viện:

Tổ chức trưng bày, giới thiệu, bảo quản, lưu trữ hiện vật, hồ sơ phản ánh truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của Quân và nhân dân Quận 9; biên tập bổ sung và hiệu đính, hoàn chỉnh hồ sơ hiện vật; đề xuất công nhận, trùng tu bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa trong Quận; phối hợp tổ chức điều hành các lễ hội mang tính truyền thống, tham quan, hội thi, tìm hiểu truyền thống, lịch sử văn hóa của địa phương và Thành phố.

Quản lý, giới thiệu, bảo tồn khu di tích căn cứ Vùng Bưng 6 Xã; Thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý, thu thập, bổ sung, khai thác, xử lý và giới thiệu vốn tài liệu; tham gia xây dựng thư viện, tủ sách cơ sở.

3. Căn cứ quy mô hoạt động và đặc điểm tình hình, Giám đốc Trung tâm xây dựng phương án tổ chức các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Phòng phù hợp đảm

bảo tinh gọn bộ máy và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Việc thành lập, sáp nhập, bổ sung, thay đổi các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Phòng do Giám đốc Trung tâm quyết định.

Điều 5. Biên chế

1. Biên chế Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận quyết định, trên cơ sở phân bổ biên chế đơn vị sự nghiệp khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm và đề nghị của Giám đốc Trung tâm theo vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp thẩm quyền được giao.

2. Việc phân bổ chỉ tiêu biên chế, chủ yếu bố trí cho lực lượng khung của Trung tâm, gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc (không quá 03 người), phụ trách Kế toán và một số cán bộ, viên chức, nhân viên.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và phân công phụ trách Kế toán thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận, các chức danh trên được hưởng phụ cấp chức vụ theo hướng dẫn của thành phố và quy định pháp luật.

4. Việc quản lý và sử dụng nhân sự của Trung tâm được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Định kỳ vào 15/11 hàng năm Giám đốc xây dựng kế hoạch rà soát sắp xếp bộ máy, nhân sự xác định cụ thể các vị trí công việc của từng bộ phận và các chức danh cán bộ, viên chức, nhân viên (người lao động) theo hướng đảm bảo hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ, tinh gọn và hiệu quả; thực hiện tốt việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, viên chức và nhân viên (người lao động) theo vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp thẩm quyền được giao; đảm bảo yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ ngành và lý luận chính trị theo quy định; đồng thời báo cáo với Ủy ban nhân dân Quận (đầu mối là Phòng Nội vụ Quận) đề nghị phê duyệt số lượng định biên nhân sự Trung tâm.

6. Ngoài ra tùy theo đặc điểm tình hình, yêu cầu nhiệm vụ của Trung tâm trong từng thời điểm và trên cơ sở cân đối nguồn thu của đơn vị Giám đốc được ký kết hợp đồng lao động ngắn hạn, thời vụ (không thuộc chỉ tiêu định biên chế Quận giao) theo quy chế tuyển dụng nhân viên, người lao động của Trung tâm và sử dụng theo quy định pháp luật để giải quyết công việc nhằm đảm bảo yêu cầu công tác của Trung tâm.

7. Báo cáo với Ủy ban nhân dân Quận (đầu mối là Phòng Nội vụ Quận) về tình hình sử dụng biên chế, hợp đồng lao động của Trung tâm định kỳ quý, 06 tháng, năm hoặc đột xuất.

Chương III

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 6. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động, gồm:

a) Từ Ngân sách Nhà nước cấp (sau khi cân đối với nguồn thu sự nghiệp): Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt và đúng chế độ quy định Nhà nước; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao; kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

- Hoạt động nghiệp vụ, chuyên môn;
- Hoạt động dịch vụ, tài trợ, vay tín dụng, vốn liên doanh, liên kết và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Nội dung chi:

- a) Chi đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ.
- b) Chi phục vụ các hoạt động dịch vụ, liên kết.
- c) Chi đảm bảo phát triển sự nghiệp, góp phần nâng cao đời sống của viên chức, nhân viên, người lao động trong tổ chức theo quy định và theo quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Cơ chế tài chính:

Trung tâm có trách nhiệm quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính và thực hiện chế độ kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước; từng bước giảm nhận nguồn chi từ ngân sách Quận, tự chủ động kinh phí tổ chức hoạt động cấp Quận theo chương trình công tác hàng năm được quận phê duyệt.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Trung tâm làm việc theo chế độ thủ trưởng, tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên.

2. Giám đốc phụ trách, điều hành các hoạt động của Trung tâm và phụ trách những công tác trọng tâm. Khi vắng mặt, Giám đốc có thể ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành và giải quyết công việc của Trung tâm. Các Phó Giám đốc phụ trách các lĩnh vực công tác được Giám đốc phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

3. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Giám đốc khác, Phó Giám đốc phụ trách chủ động bàn bạc, thống nhất hướng giải quyết.

4. Trong trường hợp Giám đốc trực tiếp yêu cầu viên chức, nhân viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Giám đốc, yêu cầu được thực hiện nhưng viên chức, nhân viên đó phải báo cáo cho Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách biết.

5. Cán bộ, viên chức và nhân viên của Trung tâm phải có thái độ và phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, khách hàng, đối tác, cũng như của đồng nghiệp.

Điều 8. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Trung tâm họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác trong tuần tiếp theo.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo, các Phòng chuyên môn, tổ nghiệp vụ họp với Phó Giám đốc phụ trách trực tiếp để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai và thống nhất lịch công tác.

3. Hàng tháng, họp toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên (người lao động) của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng và đề ra công tác cho tháng tiếp theo; đồng thời, phổ biến các chủ trương, chế độ, chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh tại đơn vị. Ngoài ra tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận.

4. Hội đồng thi đua cơ quan họp xét thi đua theo định kỳ.

5. Trung tâm thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, quý, 06 tháng, năm cho Ủy ban nhân dân Quận và sở ngành liên quan theo qui định.

6. Biên bản các cuộc họp giao ban, họp cơ quan của Trung tâm phải được Phòng Tổ chức hành chính ghi chép đầy đủ nội dung, ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức, nhân viên dự họp, kết luận của người chủ trì và lưu theo quy định.

Điều 9. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố:

Trung tâm chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc sở.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Quận:

Trung tâm chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân Quận về toàn bộ công tác theo chức năng nhiệm vụ của Trung tâm. Giám đốc Trung tâm trực tiếp nhận sự chỉ đạo về nội dung công tác từ Chủ tịch (Phó Chủ tịch phụ trách) và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân Quận về những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Ban Tuyên giáo Quận ủy:

Có mối quan hệ tiếp nhận và thực hiện sự chỉ đạo định hướng của Quận ủy thông qua Ban Tuyên giáo trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, chính trị liên quan đến định hướng xây dựng và phát triển hoạt động của đơn vị theo đúng chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Đảng và tình hình địa phương.

4. Đối với Phòng Văn hóa và Thông tin Quận:

Trung tâm chịu sự quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động ngành của Phòng Văn hóa và Thông tin quận.

5. Đối với các cơ quan, tổ chức, ban ngành, đoàn thể thuộc Quận:

a) Thực hiện tốt mối quan hệ, phối hợp trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được quy định.

b) Trung tâm có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn về chuyên môn; cùng các đơn vị phối hợp thực hiện các chủ trương, chính sách về hoạt động phong trào sự nghiệp văn hóa của Đảng và Nhà nước, theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Chủ động xây dựng mối liên kết, liên tịch với các ngành nhằm mục tiêu phát triển sự nghiệp văn hóa vững mạnh, rộng khắp. Định kỳ sáu tháng, năm tổ chức họp sơ, tổng kết với các ngành có ký kết liên tịch để rút kinh nghiệm trong quá trình phối hợp thực hiện kế hoạch, Trung tâm đóng vai trò chủ trì thực hiện.

d) Khi các cơ quan, tổ chức có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức

năng, nhiệm vụ của Trung tâm, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Quận giải quyết theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân 13 Phường:

Trung tâm có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thiết chế văn hóa ở các phường để được phát triển toàn diện, rộng khắp; hỗ trợ hướng dẫn nghiệp vụ văn hóa cơ sở và hoạt động Nhà văn hóa phường; tham gia ý kiến với các phường trong xây dựng kế hoạch, quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương; góp ý về nhân sự chuyên trách văn hóa - thông tin và cán bộ Nhà Văn hóa phường.

7. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận và các ban ngành, đoàn thể Quận:

Trung tâm xây dựng mối quan hệ gắn kết, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức hội quần chúng Quận trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, tổ chức tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ do Trung tâm quản lý;

8. Đối với cơ quan, tổ chức và các đơn vị hoạt động lĩnh vực văn hóa:

Có mối quan hệ hợp tác, phối hợp trong các hoạt động lĩnh vực văn hóa và theo quy định của pháp luật; thông qua các hình thức liên tịch, phối hợp tổ chức hoạt động thi đấu, hội nghị, giao lưu.

9. Đối với các đối tác thực hiện dịch vụ sự nghiệp công:

Tổ chức hoạt động trong thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật; theo dõi chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các đối tác hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết với đơn vị.

10. Tổ chức đoàn thể chính trị và tổ chức xã hội của Trung tâm hoạt động theo quy định của pháp luật, điều lệ của các đoàn thể, tổ chức xã hội đó.

Điều 10. Công tác thi đua - khen thưởng - kỷ luật cán bộ, viên chức, nhân viên và người lao động của Trung tâm được thực hiện theo Quy chế thi đua - khen thưởng - kỷ luật của Trung tâm và theo quy định nhà nước. Nếu cán bộ, viên chức, nhân viên và người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thì sẽ được khen thưởng theo quy định; nếu vi phạm kỷ luật, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác, không

hoàn thành nhiệm vụ được phân công, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Trung tâm và theo pháp luật.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm triển khai thực hiện và phân công rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng viên chức, nhân viên của Trung tâm, ban hành nội quy, quy định phục vụ công tác điều hành, bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã được Quy chế quy định. Toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên thuộc Trung tâm và các đơn vị cơ sở (mạng lưới Văn hóa - Thông tin các phường) có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Giám đốc Trung tâm văn hoá, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân Quận xem xét, sửa đổi và bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Thị Hồng Liên

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2117/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường
các mặt hàng được phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách thành phố năm 2014; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng được phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 2015/SYT-QLD ngày 10 tháng 4 năm 2014 về Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt

hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bổ sung Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

Bổ sung Quyền lợi của các đơn vị tham gia Chương trình:

“Được sử dụng Biểu trưng (Logo) Chương trình Bình ổn thị trường Thành phố Hồ Chí Minh theo các điều khoản quy định về quản lý, khai thác, sử dụng Biểu trưng này và các quy định pháp luật có liên quan.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2198/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí;

Căn cứ Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại;

Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và phối hợp hoạt động quản lý thông tin đối ngoại tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 399/STTTT-BC ngày 01 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin

và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan báo chí, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2198/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Thực hiện Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại, Công văn hướng dẫn số 158/TTĐN ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Cục Thông tin đối ngoại Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng kế hoạch công tác thông tin đối ngoại năm 2014 của Thành phố; Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn Thành phố năm 2014 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình hành động của Chính phủ nhằm thực hiện chiến lược thông tin đối ngoại.

b) Nâng cao nhận thức của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị và nhân dân Thành phố về tầm quan trọng của công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới, qua đó chủ động đề ra các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị gắn với hoạt động thông tin đối ngoại.

2. Yêu cầu:

a) Các hoạt động thông tin đối ngoại của Thành phố phải bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước.

b) Triển khai một cách chủ động, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cấp sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan, đảm bảo việc nghiêm túc chấp hành chế độ bảo mật thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động thông tin đối ngoại theo các quy định pháp luật hiện hành; Gắn chặt giữa thông tin trong nước (đối nội)

và thông tin ra nước ngoài (đối ngoại) nhằm làm cho bạn bè, nhân dân thế giới và nước ngoài hiểu về Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh một cách tích cực.

II. NỘI DUNG

Năm 2014, hoạt động thông tin đối ngoại của Thành phố tập trung vào những nội dung chủ yếu như sau:

1. Thông tin về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của Thành phố đến với tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài. Thông tin, chính xác, kịp thời và phù hợp về tình hình thế giới đến đồng bào, nhân dân Thành phố.

2. Thông tin, tuyên truyền những thành tựu của đất nước và của Thành phố, những tiềm năng, lợi thế của Thành phố nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế ổn định, hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Giới thiệu, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam; truyền thống lịch sử, các giá trị văn hóa, tiềm năng hợp tác và phát triển của Thành phố ra nước ngoài.

4. Phản bác các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam, trái với những chính sách, tiềm năng và giá trị văn hóa truyền thống của Thành phố.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo; về công tác phân giới, cắm mốc.

III. PHÂN CÔNG

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch công tác thông tin đối ngoại hàng năm, theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức thông tin đối ngoại cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại;

c) Đẩy mạnh tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo; công tác phân giới, ranh mốc;

d) Thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về báo chí, đồng thời hợp tác chặt chẽ với các cơ quan thông tấn trong nước cũng như quốc tế; tạo điều kiện thuận lợi để phóng viên nước ngoài đến thăm, viết bài, đưa tin về những thành tựu kinh tế, văn

hóa, xã hội của Thành phố dưới sự lãnh đạo của Thành ủy và quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Chỉ đạo các cơ quan báo, đài, nhà xuất bản, nhà sách phát hành tuyên truyền giới thiệu về những hình ảnh, văn hóa, cuộc sống năng động vươn lên của người dân Thành phố.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Tổ chức và tham gia các sự kiện du lịch, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ văn hoá, du lịch của Thành phố ra nước ngoài;

b) Quảng bá hình ảnh, tiềm năng của Thành phố thông qua các lễ hội văn hóa đặc sắc ở Thành phố và các hoạt động trao đổi đoàn song phương và đa phương;

c) Tham gia các hội chợ, triển lãm và hội thảo quốc tế nhằm giới thiệu, quảng bá về Thành phố;

d) Xây dựng các ấn phẩm, tư liệu quảng bá văn hóa, thương hiệu của Thành phố bằng các thứ tiếng với các hình thức bản mềm các bài báo và cuốn sách; ảnh tư liệu, ảnh quảng bá; phim tài liệu, video clip.

đ) Tuyên truyền cổ động trực quan giới thiệu về Thành phố và con người Thành phố.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư (ITPC):

a) Tổ chức và tham gia các sự kiện xúc tiến đầu tư thương mại trong nước và nước ngoài, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ các ngành kinh tế của Thành phố ra thị trường nước ngoài;

b) Quảng bá hình ảnh, tiềm năng kinh tế của Thành phố thông qua các hội chợ, hội thảo, hội nghị trong nước, quốc tế và các hoạt động trao đổi đoàn song phương và đa phương;

c) Xây dựng các ấn phẩm quảng bá thương hiệu của Thành phố bằng các thứ tiếng với các hình thức bản mềm các bài báo và cuốn sách; ảnh tư liệu, ảnh quảng bá; phim tài liệu, video clip.

4. Sở Ngoại vụ, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố:

a) Tham gia quảng bá hình ảnh, tiềm năng của Thành phố thông qua các lễ hội

văn hóa đặc sắc, triển lãm, hội thảo, hội nghị quốc tế ở Thành phố và các hoạt động trao đổi đoàn song phương và đa phương;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường hợp tác với các cơ quan thông tấn, báo chí có uy tín trong nước và quốc tế; tạo điều kiện thuận lợi để phóng viên nước ngoài đến thăm và làm phim, viết bài, đưa tin về Thành phố; thúc đẩy hoạt động ngoại giao nhân dân; hỗ trợ khiếu nại trong các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước.

5. Sở Nội vụ:

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố khảo sát cụ thể về bộ máy và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phương án bố trí nhân sự ở các đơn vị giúp hoạt động thông tin đối ngoại của Thành phố đạt hiệu quả cao hơn.

6. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

Thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định tại Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và phối hợp hoạt động quản lý thông tin đối ngoại tại Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch công tác thông tin đối ngoại năm 2014 báo về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông).

2. Hàng năm và năm 2014 lập dự trù kinh phí cho hoạt động thông tin đối ngoại trong kinh phí chung của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoặc đột xuất theo yêu cầu và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhằm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố sơ kết, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố) tiếp tục chỉ đạo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2090/UBND-THKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2014

Về điều chỉnh bổ sung Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố đến năm 2020

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 36-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, như sau:

1. Trang 5, phần III, mục 1.1: Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan xây dựng, triển khai thực hiện chương trình chuyên dịch cơ cấu xuất khẩu của thành phố đến năm 2020, phát huy vai trò đầu mối về xuất nhập khẩu hàng hóa lớn của cả nước, phát triển mạnh thương mại quốc tế. Xây dựng danh mục các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu tập trung vào sản phẩm chất lượng, sạch, an toàn, thân thiện với môi trường. Mục tiêu đến năm 2020, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao sẽ trở thành nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của thành phố.

2. Trang 18, phần III, mục 3.1: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các phương án huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng trên địa bàn thành phố, giảm bớt áp lực cho ngân sách thành phố. Thí điểm mô hình trái phiếu dự án tạo thêm kênh huy động tài chính cho dự án./.

CHỦ TỊCH**Lê Hoàng Quân**

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1486/HD-SGTVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2014

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện một số nội dung của Quy định về thi công xây dựng công trình
thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 20/02/2014, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND về Quy định về thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Quyết định 09) thay thế Quy định về việc đào đường và tái lập mặt đường khi xây lắp công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố ban hành kèm các Quyết định số 47/2005/QĐ-UB ngày 24/3/2005 (sau đây gọi là Quyết định 47), Quyết định số 60/2004/QĐ-UB ngày 17/3/2004, Quyết định số 145/2002/QĐ-UB ngày 09/12/2002 (sau đây gọi là Quyết định 145) và Khoản 4 Điều 6 của Quyết định 185/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006. Quyết định này có hiệu lực áp dụng từ ngày 03/3/2014.

Căn cứ vào Khoản 6, Điều 17 của Quyết định 09, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

1. Xử lý đối với các công trình chuyển tiếp:

- Các công trình có thể áp dụng theo các quy định tại các Quyết định 145, 47 bao gồm:

+ Các công trình đã được phê duyệt trước ngày 02/3/2014

+ Các hồ sơ đề nghị cấp đồng hồ nước của cá nhân, tổ chức đã nộp tại các Công ty Cổ phần cấp nước trước ngày 02/3/2014.

+ Các công trình trọng điểm mang tính cấp bách đã được Sở Giao thông vận tải chấp thuận bằng văn bản về vị trí, hướng tuyến trước ngày 02/3/2014.

- Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV thực hiện thắng lợi chỉ tiêu 100% hộ dân đô thị được cấp nước sạch theo Nghị quyết số 38/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố, trong năm 2014, công tác cấp giấy phép thi công lắp đặt đồng hồ nước vẫn thực hiện theo các quy định trước đây. Từ năm 2015, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị thành viên thống kê rà soát nhu cầu lắp đặt, nâng cỡ đồng hồ nước của tất cả các hộ dân doanh nghiệp trên cùng 1 tuyến đường để đề xuất cấp phép thi công 01 lần trong năm theo Khoản 4 Điều 12 của Quyết định 09.

2. Về việc ký quỹ và sử dụng nguồn ký quỹ:

a) Đối tượng áp dụng:

Các công trình thi công lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật của mọi tổ chức, cá nhân (kể cả việc xử lý sự cố đột xuất về kỹ thuật các công trình của các ngành điện lực, thông tin-viễn thông, cấp nước, thoát nước...) mà vị trí công trình nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Không áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cầu đường bộ, hầm, công trình thoát nước, chiếu sáng, cây xanh của các đơn vị quản lý chuyên ngành;

- Công trình nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường bộ theo các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các công trình sử dụng nguồn vốn ODA;

- Các công trình xây dựng hệ thống thoát nước nói chung có tham bê tông nhựa toàn bộ mặt đường.

b) Hình thức thực hiện ký quỹ:

Các cá nhân, tổ chức thực hiện ký quỹ cùng lúc với việc nộp hồ sơ xin cấp giấy phép thi công tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép thi công. Việc ký quỹ có thể được thực hiện bằng 01 trong 02 hình thức sau:

- Ký quỹ bằng cách nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản;

- Ký quỹ bằng hợp đồng hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng.

Cá nhân, tổ chức thực hiện việc ký quỹ có thể là chủ đầu tư hoặc đơn vị thi công công trình. Trong trường hợp đơn vị thi công trực tiếp thực hiện thủ tục ký quỹ thì cần phải được chủ đầu tư ủy quyền bằng văn bản hoặc đã được thể hiện rõ trong hợp đồng với chủ đầu tư.

c) Giá trị ký quỹ và cách xác định giá trị ký quỹ:

- Giá trị ký quỹ:

+ Giá trị ký quỹ bằng 10% giá trị phần thi công tái lập mặt đường, vỉa hè;

+ Giá trị ký quỹ ít nhất là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) đối với mỗi lần cấp giấy phép thi công.

- Xác định giá trị ký quỹ:

+ Trước khi thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép thi công, các cá nhân, tổ chức phải tự xác định giá trị ký quỹ trên cơ sở giá trị phần thi công tái lập mặt đường tính theo đơn giá, định mức của công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên tại thời điểm xin cấp giấy phép thi công;

+ Cơ quan tiếp nhận, cấp giấy phép thi công có trách nhiệm kiểm tra giá trị ký quỹ mà các cá nhân, tổ chức trình phù hợp với quy mô, khối lượng công trình cũng như các đơn giá, định mức hiện hành;

+ Giá trị ký quỹ được xác định trên giá trị tái lập mặt đường, vỉa hè theo hợp đồng thi công giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình (không lâu hơn 06 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ cấp phép). Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép thi công chịu trách nhiệm kiểm tra và xác nhận giá trị ký quỹ do các tổ chức, cá nhân trình phù hợp với quy mô, khối lượng công trình xin cấp giấy phép thi công.

- Đối với công tác lắp đặt đồng hồ nước, di dời đồng hồ nước, coi van, bít hủy, nâng hầm đồng hồ tổng, đấu nối tăng áp, do các Công ty cấp nước, thực hiện thì việc ký quỹ có thể thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

+ Ký quỹ với giá trị 1.000.000 đồng/lần cấp phép cho một vị trí;

+ Ký quỹ theo từng năm hoặc từng quý dựa trên kế hoạch, khối lượng dự kiến thực hiện trong năm hoặc trong quý đó (giá trị ký quỹ bằng 10% giá trị phần thi công tái lập dự kiến thực hiện). Các Công ty cấp nước, có trách nhiệm liên hệ làm việc với các đơn vị tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép để được xác nhận, thực hiện ký quỹ theo quy định.

- Riêng đối với công tác khắc phục sự cố đột xuất về kỹ thuật các công trình của

các ngành điện lực, thông tin - viễn thông, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng thì việc ký quỹ có thể áp dụng với giá trị 1.000.000 đồng/lần sau khi sự cố đã được khắc phục xong hoặc có thể ký quỹ theo từng năm hoặc từng quý sử dụng riêng cho công tác khắc phục sự cố.

d) Sử dụng tiền ký quỹ:

- Tiền ký quỹ sẽ được sử dụng trong các trường hợp sau:

+ Công trình thi công đào đường và tái lập mặt đường không đạt chất lượng (mặt đường tái lập bị nứt, lún, gồ ghề...) mà chủ đầu tư công trình không thực hiện sửa chữa hoặc chậm sửa chữa quá thời gian (24 giờ) theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ. Khi đó, cơ quan quản lý đường bộ được phép sử dụng số tiền mà cá nhân hoặc tổ chức đã ký quỹ để tiến hành triển khai sửa chữa công trình nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Công trình thi công đào đường và tái lập mặt đường xảy ra sự cố lún sụt hoặc gây mất an toàn giao thông mà cơ quan quản lý đường bộ buộc phải triển khai khắc phục ngay nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Khi phát hiện công trình thi công không đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông, cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ thông báo ngay đến cán bộ được giao theo dõi dự án của cơ quan chủ quản (căn cứ theo Lệnh khởi công), phối hợp Thanh tra Sở Giao thông vận tải để lập biên bản vi phạm hành chính. Nếu đơn vị vi phạm không bố trí được nhân vật lực và khắc phục trong 24 giờ, cơ quan quản lý đường bộ sẽ chỉ định một đơn vị khác tiến hành khắc phục bằng nguồn tiền ký quỹ công tác đào và tái lập mặt đường và có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư công trình về phần tiền ký quỹ đã sử dụng cho việc đảm bảo giao thông.

- Việc cơ quan quản lý đường bộ sử dụng tiền ký quỹ để khắc phục sửa chữa các hư hỏng, sự cố công trình... chỉ mang tính chất đảm bảo giao thông tạm thời. Chủ đầu tư và nhà thầu thi công vẫn phải chịu trách nhiệm sửa chữa, khắc phục triệt để các nguyên nhân gây hư hỏng, sự cố công trình... và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nguyên nhân để xảy ra hư hỏng, sự cố công trình.

e) Hoàn trả tiền ký quỹ:

- Cơ quan quản lý đường bộ sẽ chuyển trả toàn bộ tiền ký quỹ cho chủ đầu tư công trình sau khi công trình hết thời gian bảo hành nếu trong thời gian thi công và bảo hành công trình không xảy ra tình trạng hư hỏng, lún sụt hoặc có xảy ra nhưng được chủ đầu tư khắc phục kịp thời;

- Trường hợp số tiền ký quỹ đã được cơ quan quản lý đường bộ sử dụng cho công tác đảm bảo giao thông, sau khi công trình hết thời gian bảo hành, số tiền ký quỹ chuyển trả cho chủ đầu tư công trình là số tiền còn lại sau khi trừ đi phần chi phí đã thực hiện;

- Nếu giá trị mà cơ quan quản lý đường bộ thực hiện việc sửa chữa, đảm bảo giao thông vượt quá số tiền mà chủ đầu tư ký quỹ thì chủ đầu tư phải nộp bổ sung cho cơ quan đơn vị quản lý đường bộ;

3. Về việc lắp đặt trụ điện, trạm biến áp điện lực, trụ - tủ viễn thông, tủ hạ thế, tủ RMU, trụ viễn thông và trụ quảng cáo trên đất đường bộ quy định tại Khoản 5, Điều 4 của Quyết định 09:

Sở Giao thông vận tải sẽ chủ trì giải quyết đối với thủ tục chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Đối với các tuyến đường do Ủy ban nhân dân các quận, huyện quản lý, các Chủ đầu tư có thể trực tiếp liên hệ Ủy ban nhân dân các quận, huyện để có ý kiến bằng văn bản trước khi trình Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận.

4. Về sử dụng thiết bị thăm dò công trình ngầm:

Khoản 2, Điều 8 của Quyết định 09 có quy định công tác khảo sát công trình ngầm phải xác định chính xác vị trí các công trình ngầm và phải được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ khảo sát, thiết kế công trình, đồng thời phải có xác nhận của đơn vị chủ quản công trình ngầm. Do đó, trong trường hợp cơ quan chủ quản cung cấp vị trí công trình ngầm không xác nhận hoặc không cam kết đảm bảo về độ chính xác thì chủ đầu tư phải có biện pháp khảo sát để xác định chính xác vị trí công trình ngầm.

Trường hợp sử dụng thiết bị thăm dò công trình ngầm, chủ đầu tư có thể tham khảo, áp dụng các quy định sau:

a) Quy mô, phạm vi khảo sát:

- Quy mô khảo sát:

+ Công trình có chiều dài dưới 100m: tiến hành khảo sát tối thiểu tại 03 mặt cắt tại các điểm đầu, giữa và cuối công trình (chưa kể vị trí băng qua giao lộ, điều chỉnh hướng, giao cắt công trình khác nếu có).

+ Công trình có chiều dài trên 100m: mỗi 100m chiều dài công trình thực hiện một mặt cắt (chưa kể vị trí băng qua giao lộ nếu có). Tuy nhiên số mặt cắt tối thiểu phải khảo sát không dưới 03.

- Phạm vi, kích thước mặt cắt khảo sát:

+ Trên vỉa hè: theo phương dọc tuyến là 2,0m, theo phương ngang tuyến là hết bề rộng vỉa hè;

+ Dưới lòng đường: theo phương dọc tuyến là 2,0m, theo phương ngang tuyến được tính từ mép phui đào ra mỗi bên 1,0m;

+ Nằm trong hoặc băng ngang giao lộ, băng ngang đường: theo phương dọc tuyến được tính trên suốt chiều dài đoạn tuyến qua giao lộ, theo phương ngang tuyến được tính từ mép phui đào ra mỗi bên 1,0m.

+ Tại các vị trí điều chỉnh hướng, vị trí giao cắt công trình ngầm khác, vị trí có hầm kỹ thuật hiện hữu phải thể hiện kết quả thăm dò trên suốt đoạn điều chỉnh hướng, giao cắt theo chiều dài và từ mép phui đào ra mỗi bên 1,0m theo chiều rộng.

b) Hồ sơ kết quả khảo sát:

- Hồ sơ báo cáo phải thể hiện rõ, chính xác vị trí, cao độ, sơ đồ không gian và khoảng cách giữa các công trình ngầm hiện hữu để phục vụ công tác thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình.

- Hồ sơ báo cáo khảo sát thăm dò công trình hiện hữu phải do đơn vị có chức năng và năng lực thực hiện khảo sát theo quy định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả khảo sát do mình thực hiện;

Ngoài các kết quả thăm dò phải thể hiện trong hồ sơ khảo sát công trình ngầm nêu trên, Sở Giao thông vận tải khuyến khích các chủ đầu tư tự tổ chức thăm dò trên suốt chiều dài tuyến nhằm đảm bảo độ chính xác, không gây ảnh hưởng đến quy mô, tiến độ công trình khi triển khai.

5. Về thủ tục đề nghị chấp thuận xây dựng và cấp giấy phép thi công:

a) Các công trình không cần thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận xây dựng:

- Lắp đặt đồng hồ nước, thay ống nhánh đồng hồ nước mục nghẹt, nâng, hạ van, nâng hạ hầm kỹ thuật, sửa chữa ống nghẹt, sửa chữa, thay thế hầm kỹ thuật theo hiện trạng. Riêng lắp đặt đồng hồ nước theo dự án phát triển mạng lưới mới buộc phải thực hiện công tác thỏa thuận xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại Điều 5, Quyết định 09.

b) Các công trình không cần thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép thi công:

- Bảo trì, sửa chữa thường xuyên công trình cầu, đường bộ, cây xanh, chiếu sáng, tín hiệu giao thông, thoát nước có thời gian thực hiện dưới 48 tiếng.

- Công tác mở nắp hầm kỹ thuật phục vụ bảo trì sửa chữa thường xuyên trong khoảng thời gian từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau đối với các ngày thường hoặc thực hiện vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật.

- Các đơn vị thực hiện phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và có thông báo cho Sở Giao thông vận tải, các Khu Quản lý giao thông đô thị, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thanh tra Sở Giao thông vận tải được biết.

c) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng công trình trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải (thành phần theo Quyết định 09) để được giải quyết theo thời gian quy định.

d) Thời gian của giấy phép thi công:

- Đối với các công trình thi công không sử dụng rào chắn chiếm dụng mặt đường, thời gian cấp phép không quá 30 ngày cho mỗi lần cấp phép. Đơn vị thi công có thể thi công nhiều mũi trong 1 giấy phép để đẩy nhanh tiến độ nhưng chiều dài tối đa của mỗi mũi và thời gian tái lập tương ứng không quá quy định tại các Điểm a, b, c, d - Khoản 3 - Điều 11 của Quyết định 09.

- Trước khi cấp phép, cơ quan cấp phép phải kiểm tra việc thực hiện theo giấy phép trước đó (nếu có), nếu đơn vị xin phép có vi phạm và bị xử lý ở phân đoạn trước (các hành vi như không tái lập tạm mặt đường, để đất đá rơi vãi ra lòng đường, tái lập mặt đường gồ ghề,...) mà vẫn chưa chấp hành, khắc phục thì cơ quan, đơn vị cấp phép không tiếp nhận cho đến khi chấp hành xong.

- Đối với các hạng mục thi công trên vỉa hè không ảnh hưởng đến giao thông như công tác lát gạch, hoàn thiện vỉa hè,... đơn vị có nhu cầu thi công ban ngày cần ghi rõ vào đề xuất cấp phép. Cơ quan cấp phép sẽ xem xét và tạo điều kiện giải quyết tùy theo đặc thù, tính chất của từng tuyến đường cụ thể.

- Đối với việc thi công lắp đặt các trụ điện lực, trụ chiếu sáng công cộng, biển thông, trụ quảng cáo,... quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 11 hoặc hầm kỹ thuật quy định tại Khoản 8, Điều 13 của Quyết định 09 không thể sử dụng cấu kiện đúc sẵn mà phải sử dụng bê tông đổ tại chỗ, cơ quan cấp phép sẽ căn cứ theo tiến độ thực tế để cấp phép.

e) Hồ sơ, biểu mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép thi công (Phụ lục 3, 4, 5 của Quyết định 09):

- Biểu mẫu đơn đề nghị cấp, gia hạn giấy phép thi công và giấy phép thi công bổ sung mục: “Các đơn vị liên quan” trong đó nêu rõ tên đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, Chỉ huy trưởng công trình, điện thoại liên hệ.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo mục 8, Phụ lục 3, Quyết định 09): chỉ cần cung cấp bản chính một lần đối với một công trình.

6. Về quy mô và kết cấu tái lập:

a) Chiều dày tái lập:

- Chiều dày các lớp kết cấu tái lập thực hiện theo Phụ lục 6 của Quyết định 09. Trong đó, chiều dày nền cát gia cố 6% xi măng được tính toán căn cứ vào chiều dày tổng cộng lớp kết cấu áo đường của từng loại mặt đường theo Quyết định 09, đồng thời phải đảm bảo chiều sâu chôn ống tối thiểu quy định tại Quy chuẩn số QCVN 07:2010/BXD Quy chuẩn Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành.

b) Quy mô tái lập:

- Đối với lớp phủ yêu cầu cào bóc và thảm ra mỗi bên 40cm hoặc bằng chiều sâu phui đào được quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Quyết định 09, chủ đầu tư có thể tái lập trong phui đào và thực hiện việc cào bóc và thảm ra hai bên trước khi bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ. Lớp bê tông nhựa mới phải bảo đảm êm thuận, đồng bộ, không mô cao so với mặt đường hiện hữu.

c) Kết cấu tái lập đối với mặt đường bê tông nhựa:

- Trường hợp Chủ đầu tư không đo môđun đàn hồi mặt đường hiện trạng, có thể sử dụng các kết cấu định hình như sau:

+ Đối với phui đào có bề rộng nhỏ hơn 70cm: sử dụng kết cấu tái lập có $E_{yc} > 155 \text{MPa}$ (Mục 2.c, Phụ lục 6 của Quyết định 09).

+ Đối với phui đào có bề rộng lớn hơn 70cm:

• Trường hợp tuyến đường nằm trong danh mục các tuyến đường trục chính (đính kèm phụ lục) thì chủ đầu tư phải thiết kế, áp dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa có $E_{yc} > 190 \text{MPa}$ (chiều dày của từng lớp áo đường phải thỏa mãn chiều dày tối thiểu đối với mặt đường có $E_{yc} > 155 \text{MPa}$ theo mục 2.c, Phụ lục 6 của Quyết định 09);

• Trường hợp tuyến đường không nằm trong danh mục các đường trục chính thì

chủ đầu tư có thể áp dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa có $E_{yc} > 155\text{MPa}$ (theo mục 2.c, Phụ lục 6 của Quyết định 09).

- Trường hợp Chủ đầu tư thực hiện đo kiểm tra môđun đàn hồi mặt đường hiện trạng: tiến hành tính toán thiết kết cấu áo đường theo quy định tại Phụ lục 6 của Quyết định 09.

d) Kết cấu tái lập đối với mặt đường khác:

- Đối với mặt đường hẻm có kết cấu bằng bê tông xi măng: kết cấu tái lập theo mục 2.d, Phụ lục 6 của Quyết định 09. Chiều dày nền cát gia cố 6,0% xi măng là: 10cm (đối với các công trình điện lực, viễn thông, chiếu sáng), 40cm (đối với các công trình ống cấp nước cấp 3, thoát nước), 50cm (đối với công trình ống cấp xăng dầu, khí đốt).

- Đối với mặt đường hiện hữu là đất, đá, quy mô tái lập phải đảm bảo chiều sâu chôn ống tối thiểu quy định tại Quy chuẩn số QCVN 07:2010/BXD Quy chuẩn Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm:

+ Lớp kết cấu hiện trạng dày 10cm;

+ Lớp cấp phối đá dăm dày tối thiểu 25cm, $K \geq 0,98$;

+ Lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách;

+ Nền đắp cát gia cố 6% xi măng, $K \geq 0,98$ dày 45cm (đối với các công trình điện lực, viễn thông, chiếu sáng, ống cấp nước cấp 3, thoát nước), 55cm (đối với công trình ống cấp xăng dầu, khí đốt).

7. Các yêu cầu khi thực hiện công tác thi công, tái lập mặt đường:

- Việc duy trì tình trạng tái lập tạm mặt đường chỉ được thực hiện khi chưa thi công lấp đặt xong hoặc đã xong nhưng do các yếu tố bất khả kháng nên việc tái lập hoàn chỉnh chưa được thực hiện ngay. Thời gian tồn tại lớp kết cấu tái lập tạm không được vượt quá 48 giờ.

- Kể từ khi tiếp nhận mặt bằng, trong quá trình thi công đến trước khi bàn giao lại mặt bằng cho cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ, chủ đầu tư có trách nhiệm theo dõi và chủ động khắc phục các sự cố hoặc kịp thời khắc phục khi cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ có yêu cầu về các sự cố liên quan đến công trình (trong phui đào hoặc các vị trí lân cận có bề mặt tái lập bị bong tróc, lún cục bộ, trôi nhựa, rạn nứt,...). Trước khi tiến hành bàn giao mặt bằng, chủ đầu tư phải thực hiện tái lập theo các quy định tại Khoản 2, 3 Điều 10 của Quyết định 09.

- Đối với các phui đào tái lập có quy mô nhỏ (như lấp đồng hồ nước, nâng hạ van, sửa chữa, đấu nối ống), để tiết kiệm kinh phí, chủ đầu tư có thể không cào bóc và thăm ra 40cm hoặc bằng chiều sâu phui đào quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Quyết định 09. Tuy nhiên, phui tái lập phải êm thuận, vuông vức, song song hoặc vuông góc với đường; bề mặt phui tái lập phải đảm bảo độ dốc ngang, độ dốc dọc đồng bộ với mặt đường hiện hữu.

8. Cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Đối với các dự án, công trình bao trùm trên phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các quận, huyện thì việc chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sẽ do Sở Giao thông vận tải chủ trì thực hiện trên cơ sở tham khảo ý kiến từ Ủy ban nhân dân các quận, huyện ngoại trừ các công trình chủ yếu được thi công trên đường, hẻm do Ủy ban nhân dân các quận, huyện quản lý.

- Trường hợp việc thi công đào đường, khoan ngầm bằng robot lắp đặt công trình thiết yếu nằm trên phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải và của Ủy ban nhân dân các quận, huyện thì việc cấp giấy phép thi công sẽ do Sở Giao thông vận tải giải quyết.

- Vị trí ưu tiên lắp đặt từng loại công trình hạ tầng kỹ thuật, căn cứ vào điều kiện thực tế sẽ do cơ quan quản lý đường bộ quyết định trên cơ sở áp dụng các trị số về khoảng cách, vị trí quy định theo Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam số TCXDVN 104-2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải triển khai thực hiện Quyết định 09. Mọi khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện vui lòng gửi thông tin về Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý khai thác hạ tầng giao thông đường bộ, điện thoại liên hệ: (08) 38.292.188 để có hướng dẫn và điều chỉnh kịp thời./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Xuân Cường

DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM

(Ban hành kèm Hướng dẫn số 1486/HD-SGTVT
ngày 18/4/2014 của Sở Giao thông vận tải)

STT	TÊN TUYẾN ĐƯỜNG	TỪ ...	ĐẾN ...	QUẬN - HUYỆN
I	TRỤC HƯỚNG TÂM			
1	Quốc lộ 1	Cầu Đồng Nai	Nút giao Thủ Đức	Quận TĐ, 9
		Nguyễn Văn Linh	Ranh tỉnh Long An	Huyện Bình Chánh
2	Quốc lộ 1K	Cầu vượt Linh Xuân	Ranh tỉnh Bình Dương	Quận TĐ
3	Quốc lộ 13	Cầu Bình Triệu	Ranh tỉnh Bình Dương	Quận TĐ
4	Quốc lộ 22	Vòng xoay An Sương	Ranh tỉnh Tây Ninh	12, Hóc Môn, Củ Chi
5	Tô Ký	Cầu vượt Quang Trung	Lý Thường Kiệt	12, Hóc Môn
6	Tỉnh lộ 10	An Dương Vương	Ranh Long An	Bình Tân, Bình Chánh
7	Quốc lộ 50	Nguyễn Văn Linh	Ranh Long An	Huyện Bình Chánh
8	Đường Rừng Sác	Phà Bình Khánh	Duyên Hải	Huyện Cần Giờ
9	Các nhánh đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương - Cần Thơ			
	- Tuyến nhánh 1	Chợ Đệm	Bình Thuận	Huyện Bình Chánh
	- Tuyến nhánh 2	Chợ Đệm	Tân Tạo	Huyện Bình Chánh
II	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI			
1	Quốc lộ 1	Nút giao Thủ Đức	Nguyễn Văn Linh	Quận Bình Tân, Bình Chánh, 12

STT	TÊN TUYẾN ĐƯỜNG	TỪ ...	ĐẾN ...	QUẬN - HUYỆN
2	Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 1	Nút giao Khu A	Bình Chánh - Q7
3	Vành đai Đông	Nút Khu A	Liên tỉnh lộ 25B	Quận 2
III	TRỤC XUYÊN TÂM			
	Trục Bắc - Nam			
1	Trường Chinh	Vòng xoay An Sương	Lý Thường Kiệt	Quận Tân Bình, 12
2	Đường CMT8	Ngã tư Bảy Hiền	VX Phù Đổng Thiên Vương	Quận 10, 3, Tân Bình, 1
3	Nguyễn Thị Nghĩa	VX Phù Đổng Thiên Vương	Đường Phạm Ngũ Lão	Quận 1
4	Nguyễn Thái Học	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Ông Lãnh	Quận 1
5	Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Khánh Hội	Quận 4
6	Khánh Hội	Đường Hoàng Diệu	Cầu Kênh Tẻ	Quận 4
	Trục Đông - Tây			
7	Đường Võ Văn Kiệt	Quốc lộ 1	Đường hầm sông Sài Gòn	Quận 1, 5, 6
8	Mai Chí Thọ	Đường hầm sông Sài Gòn	Nút giao Cát Lái	Quận 2
IV	ĐƯỜNG NỘI ĐÔ			
1	Xa lộ Hà Nội	Nút giao Thủ Đức	Cầu Sài Gòn	Quận 2
2	Hoàng Văn Thụ	Cách Mạng Tháng 8	Phan Đình Phùng	Quận Phú Nhuận, Tân Bình
3	Cộng Hòa	Trường Chinh	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình
4	Phan Huy Ích	Trường Chinh	Quang Trung	Gò Vấp, Tân Bình
5	Võ Thị Sáu	Đinh Tiên Hoàng	VX Dân Chủ	Quận 1, 3
7	Đường 3 tháng 2	Cách Mạng Tháng 8	Hồng Bàng	Quận 10

STT	TÊN TUYẾN ĐƯỜNG	TỪ ...	ĐẾN ...	QUẬN - HUYỆN
8	Điện Biên Phủ	Lý Thái Tổ	Cầu Điện Biên Phủ	Quận 1, 3, 10
		Cầu Điện Biên Phủ	Cầu Sài Gòn	Quận Bình Thạnh
9	Nguyễn Hữu Cảnh	Cầu Sài Gòn	Tôn Đức Thắng	Quận Bình Thạnh
10	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đài Liệt Sĩ	Cầu Thị Nghè	Quận Bình Thạnh
11	Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu Thị Nghè	Nguyễn Văn Cừ	Quận 1, 3
12	An Dương Vương	Tân Hòa Đông	Cầu Mỹ Thuận	Quận 6
13	Hồng Bàng	Ngô Quyền	Vòng xoay Phú Lâm	Quận 6
14	Kinh Dương Vương	Vòng xoay Phú Lâm	Vòng xoay An Lạc	Quận 6
15	Trần Hưng Đạo	QT. Quách Thị Trang	Châu Văn Liêm	Quận 1, 5
16	Quốc lộ 50	Nguyễn Văn Linh	Cầu Nhị Thiên Đường	Huyện Bình Chánh, Quận 8
17	Trần Xuân Soạn	Cầu Rạch Ong	Huỳnh Tấn Phát	Quận 7
18	Tạ Quang Bửu	Nguyễn Thị Tần	hẻm 2385B	Quận 8
19	Hưng Phú	Cầu Chử Y	Xóm Củi	Quận 8
20	Nguyễn Thị Thập	Cầu Him Lam	Huỳnh Tấn Phát	Quận 7
21	Phan Văn Trị	Thống Nhất	Nơ Trang Long	Gò Vấp, Bình Thạnh
22	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Hữu Cảnh	Hàm Nghi	Quận 1
23	Nguyễn Tất Thành	Cầu Khánh Hội	Cầu Tân Thuận	Quận 4
24	Huỳnh Tấn Phát	Trần Xuân Soạn	phà Bình Khánh	Quận 7
25	Lê Văn Lương	Trần Xuân Soạn	Cầu Rạch Đĩa 1	Quận 7
26	Quang Trung	Điểm cuối	Lý Thường Kiệt	Huyện Hóc Môn
27	Hà Huy Giáp	Cầu Phú Long	Cầu An Lộc	Quận 12

STT	TÊN TUYỂN ĐƯỜNG	TỪ ...	ĐẾN ...	QUẬN - HUYỆN
28	Nguyễn Kiệm	Hoàng Văn Thụ	Ngã 6 Gò Vấp	Phú Nhuận, Gò Vấp
29	Nguyễn Văn Trỗi	Hoàng Văn Thụ	Cầu Công Lý	Quận Phú Nhuận
30	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Công Lý	Võ Văn Kiệt	Quận 3
31	Lý Thái Tổ	Nguyễn Thị Minh Khai	3 tháng 2	Quận 3, 10
32	Nguyễn Tri Phương	Trần Hưng Đạo	3 tháng 2	Quận 5, 10
33	Thành Thái	3 tháng 2	Bắc Hải	Quận 10
34	Chánh Hưng	Nguyễn Văn Linh	Cầu Chánh Hưng	Bình Chánh - Q8
35	Lý Thường Kiệt	Hồng Bàng	CMT8	Quận 10, 11
36	Lạc Long Quân	Tân Hòa	Lý Thường Kiệt	Quận 11, Tân Bình
37	Đặng Thúc Vịnh	Quang Trung	Cầu Rạch Tra	Hóc Môn
38	Hà Duy Phiên	Cầu Rạch Tra	Tỉnh lộ 8	Huyện Củ Chi
39	Tỉnh lộ 8	Cầu Thầy Cai	Cầu Phú Cường	Huyện Củ Chi
40	Tỉnh lộ 7	Cầu Tân Thái	Tỉnh lộ 15	Huyện Củ Chi
41	Đông Văn Cống	Mai Chí Thọ	Phà Cát Lái	Quận 2
42	Phạm Thế Hiển	Cầu Rạch Ông	Trịnh Quang Nghị	Quận 8
43	Nguyễn Văn Nghi	Cầu Hang Ngoài	Ngã 6 Gò Vấp	Quận Gò Vấp
44	Lê Quang Định	Bạch Đằng	Cầu Hang Ngoài	Quận Gò Vấp, Bình Thạnh
45	Bùi Công Trừng	Hà Huy Giáp	Đặng Thúc Vịnh	12, Hóc Môn
46	Lê Văn Khương	Quốc lộ 1A	Đặng Thúc Vịnh	12, Hóc Môn
47	Nguyễn Anh Thủ	Lê Văn Khương	Phan Văn Hớn	12, Hóc Môn
48	Dương Công Khi	Ranh Bình Chánh	Quốc lộ 22	Huyện Hóc Môn
49	Nguyễn Văn Búra	Ranh Long An	Quốc lộ 22	Huyện Hóc Môn
50	Hương lộ 2	Quốc lộ 22	Ranh Tây Ninh	Huyện Củ Chi

STT	TÊN TUYẾN ĐƯỜNG	TỪ ...	ĐẾN ...	QUẬN - HUYỆN
51	Nguyễn Xí	Đài Liệt Sĩ	Nơ Trang Long	Quận Bình Thạnh
52	Đinh Bộ Lĩnh	Cầu Bình Triệu	Điện Biên Phủ	Quận Bình Thạnh
53	Bạch Đằng	Nguyễn Kiệm	Đường A75 - Trường Sơn	Quận Tân Bình
54	Phan Đăng Lưu	Bạch Đằng	Hoàng Văn Thụ	Quận Bình Thạnh
55	Nơ Trang Long	Phan Đăng Lưu	Bình Lợi	Quận Bình Thạnh
56	Quốc lộ 13	Đài Liệt Sĩ	Cầu Bình Triệu	Quận Bình Thạnh
57	Nguyễn Văn Linh	Nút giao Khu A	Huỳnh Tấn Phát	Quận 7
58	Song hành Quốc lộ 22	Kênh Tham Lương	Hương lộ 65	Quận 12, Hóc Môn
59	Kinh Dương Vương	Vòng xoay Phú Lâm	Vòng xoay An Lạc	Quận Bình Tân

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2273/QĐ-UBND

Bình Thạnh, ngày 14 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội về thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của UBND huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 của UBND quận

Bình Thạnh về ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Bình Thạnh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 06/TTr-TP ngày 10 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 08 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và 01 Chỉ thị của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ban hành hết hiệu lực thi hành (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, các phòng, ban, đơn vị quận và các Chủ tịch UBND phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC NĂM 2014**

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
NGHỊ QUYẾT				
NĂM 1992				
1	25/NQ-Khóa VI	24/10/1992	Về việc lập lại trật tự trong XD và giao thông trên địa bàn quận	Hết hiệu lực thời gian
NĂM 1993				
2	29/NQ-Khóa VI	05/5/1993	Về công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em và hoạt động y tế ở cơ sở	Hết hiệu lực thời gian
3	30/NQ-Khóa VI	05/5/1993	Về việc tiếp tục lập lại trật tự giao thông trên địa bàn quận	Hết hiệu lực thời gian
NĂM 1994				
4	38/NQ-Khóa VI	22/01/1994	Về việc kiểm điểm hoạt động năm 1993 và nhiệm vụ, kinh phí hoạt động năm 1994 của HĐND quận Bình Thạnh	Hết hiệu lực thời gian
NĂM 1997				
5	07/NQ-Khóa VII	22/02/1997	Về nội dung và kinh phí hoạt động HĐND quận Bình Thạnh	Hết hiệu lực thời gian

6	09/NQ-Khóa VII	22/02/1997	Về ngăn chặn và bài trừ tệ nạn xã hội	Hết hiệu lực thời gian
7	12/NQ-Khóa VII	09/8/1997	Về cải thiện điều kiện vệ sinh, môi trường trên địa bàn quận	Hết hiệu lực thời gian
NĂM 2001				
8	06/2001/NQ-KVIII	23/3/2001	Về việc đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	Hết hiệu lực thời gian
NĂM 2013				
CHỈ THỊ				
9	15/2013/CT-UBND-M		Chỉ thị về việc thực hiện công tác quốc phòng địa phương năm 2013	Còn hiệu lực

ỦY BAN NHÂN DÂN TÂN PHÚ**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1504/QĐ-UBND

*Tân Phú, ngày 06 tháng 5 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH**
Về việc bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động;

Căn cứ Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bãi bỏ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy

ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 312/TTr-PTP ngày 24 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú không còn phù hợp với quy định của pháp luật, như sau:

1. Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc ban hành Quy định về tiếp công dân; xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn quận Tân Phú;

2. Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận Tân Phú và Thanh tra Xây dựng phường;

3. Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận Tân Phú.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường, thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Tấn Lực

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 437/QĐ-UBND

*Cần Giờ, ngày 13 tháng 5 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp
với quy định của pháp luật hiện hành****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 121/TTr-TP ngày 08 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Lý do: Không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3430/QĐ-UBND

*Hóc Môn, ngày 25 tháng 4 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 157/TTr-TP ngày 24 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 01 (một) văn bản do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành năm 2013 đã hết hiệu lực thi hành (danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND huyện; Trưởng các phòng, ban trực thuộc UBND huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Văn Thị Bạch Tuyết**

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC
DO ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN BAN HÀNH NĂM 2013**

(Đính kèm Quyết định số 3430/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
1	Chỉ thị	01/2013/CT-UBND 09/01/2013	Thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn, gọi nhập ngũ; công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên 2013	Ngày ban hành Quyết định công bố hết hiệu lực	Kết thúc hoạt động

Người lập bảng

Nguyễn Thị Hoài Thương

CHỦ TỊCH

Văn Thị Bạch Tuyết

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 297/QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 05 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**VỀ CÔNG BỐ VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Văn bản số 84/PTP ngày 28 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 01 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành hết hiệu lực thi hành (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng - ban, ngành huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tiến

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
01	Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND	15/01/2009	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè.	19/3/2014	Thay thế bằng Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng